

Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ
(Kèm theo Nghị Quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã Phước Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (Sau tiết kiệm 5%)			Ghi chú
		Tổng cộng	Nguồn vốn phân cấp	Thu từ sử dụng đất và các nguồn thu hợp pháp khác	Tổng cộng	Nguồn vốn phân cấp	Thu từ sử dụng đất và thu hợp pháp khác	
	TỔNG CỘNG	10.589,66	3.000,00	7.589,66	10.184,66	2.850,00	7.334,66	
1	Trả nợ dự án hoàn thành năm 2025 tiếp nhận từ các xã cũ	532,00		532,00	505,40		505,40	Phụ lục 01
2	Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026 xã Phước Giang	7.568,00	3.000,00	4.568,00	7.189,60	2.850,00	4.339,60	Phụ lục 02
3	Trả nợ công trình theo Kết luận thanh tra số 10 và công trình đã quyết toán giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp từ các xã cũ sang	2.489,66		2.489,66	2.489,66		2.489,66	Phụ lục 03

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch trả nợ công trình quyết toán dự án hoàn thành

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

(Kèm theo Nghị Quyết số 28 /NQ-HDND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HDND xã Phước Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025											Nợ sau quyết toán dự án hoàn thành	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau tiết kiệm 5%							
		Thời gian khởi công và HT	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn 2025			Chủ đầu tư		Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	trong đó					Tổng số	Trong đó				Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác		Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác					
						NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NS xã	NSTW					Ngân sách địa phương		NSTW								NS tỉnh	NS xã và nguồn vốn khác		
	Tổng số				7.194,9	1.154,9	4.500,0	944,2	595,8	5.694,9	5.694,9	-	5.694,9	1.487,1	-	-	7.194,9	1.154,9	4.500,0	1.540,0	532,0	-	532,0	505,4	-	505,4			
	Trả nợ quyết toán dự án hoàn thành																												
1	KCH nương Cửa Trường - Cổng Bà Ngải	2025	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	1.037,5	-	830,0	124,5	83,0	830,0	830,0		830,0	207,5	Văn phòng HDND&UBND	thôn Đồng Trúc Lâm - Xã Phước Giang	1.037,5	-	830,0	207,5	70,0		70,0	66,5		66,5			
2	Bê tông vườn Ông Trà - gò Tranh - Muơng Bông	2025	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	837,5	-	670,0	100,5	67,0	670,0	670,0		670,0	161,8	Văn phòng HDND&UBND	thôn Bình Thành - Xã Phước Giang	837,5	-	670,0	167,5	60,0		60,0	57,0		57,0			
3	Đường BTXM tuyến ngò Lê Phú - Từ Bông - Chẽ Mưng	2025	UBND xã Hành Minh	xã Hành Minh	559,2	447,4	-	67,1	44,7	447,4	447,4		447,4	111,8	Văn phòng HDND&UBND	thôn Long Bàn Nam - Xã Phước Giang	559,2	447,4	-	111,8	40,0		40,0	38,0		38,0			
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến ĐT (ngã 3 Ô. Viên) - Gia Trại	2025	UBND xã Hành Minh	xã Hành Minh	900,0	-	720,0	108,0	72,0	720,0	720,0		720,0	180,0	Văn phòng HDND&UBND	thôn Tinh Phú Nam - Xã Phước Giang	900,0	-	720,0	180,0	50,0		50,0	47,5		47,5			
5	Làm mới cầu Cây Sanh - Long Bàn Nam	2025	UBND xã Hành Minh	xã Hành Minh	975,0	-	780,0	117,0	78,0	780,0	780,0		780,0	195,0	Văn phòng HDND&UBND	thôn Long Bàn Nam - Xã Phước Giang	975,0	-	780,0	195,0	50,0		50,0	47,5		47,5			
6	Xây mới Nhà văn hóa thôn An Tân	2025	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	1.010,71	707,5	-	202,1	101,1	747,5	747,5		747,5	263,2	Văn phòng HDND&UBND	thôn An An-Xã Phước Giang	1.010,7	707,5		303,2	70,0		70,0	66,5		66,5			
7	Tuyến Ngã ba chợ phiên - Đồng Gia	2025	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	1.200,00	-	960,0	144,0	96,0	960,0	960,0		960,0	235,8	Văn phòng HDND&UBND	thôn An Hoà-Xã Phước Giang	1.200,0	-	960,0	240,0	60,0		60,0	57,0		57,0			
8	Trần Bình (An Phước) - Huỳnh Tấn Minh(An Tân) (nối tiếp) đợt 2	2025	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	210,00	-	168,0	25,2	16,8	168,0	168,0		168,0	41,0	Văn phòng HDND&UBND	thôn An Phước, An Tân - xã Phước Giang	210,00	-	168,0	42,0	41,0		41,0	39,0		39,0			
9	Ngã Ba Ông Diên - Sông Đồn Bảo	2025	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	300,00	-	240,0	36,0	24,0	240,0	240,0		240,0	59,0	Văn phòng HDND&UBND	thôn Trung Mỹ - Xã Phước Giang	300,00	-	240,0	60,0	59,0		59,0	56,1		56,1			
10	Phạm Tấn Linh - Vũ Thanh Lâm	2025	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	165,00	-	132,0	19,8	13,2	132,0	132,0		132,0	32,0	Văn phòng HDND&UBND	thôn Kim Thành - Xã Phước Giang	165,00	-	132,0	33,0	32,0		32,0	30,4		30,4			

PHỤ LỤC 02
Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026 xã Phước Giang
(Kèm theo Nghị Quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Phước Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án	Thời gian khởi công và HT	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư dự án/Giá trị quyết toán			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030		Kế hoạch đầu tư năm 2026			Kế hoạch đầu tư năm 2026 (Sau tiết kiệm 5%)		
							Tổng mức đầu tư					Tổng số	Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác	Tổng số	Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	trong đó: Ngân sách địa phương	Trong đó							
										Tổng số	trong đó: NSX						
	Tổng số						-	24.200,0	24.200,0	24.200,0	24.200,0	7.568,0	3.000,0	4.568,0	7.189,6	2.850,0	4.339,6
	Dự án khởi công mới năm 2026																
1	Nâng cấp sửa chữa Đập Giữa và Kênh Đồng Điện	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	Thôn Kim Thành Thượng - xã Phước Giang	1376/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	2.300	2.300,0	2300	2.300,0	680,0	500,0	180,0	646,0	475,0	171,0
2	Sửa chữa Nhà văn hoá xã Phước Giang (thôn An Hoà)	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn An Tân - Xã Phước Giang	1377/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	500,0	500,0	500,0	500,0	330,0	150,0	180,0	313,5	142,5	171,0
3	Công viên Long Bằng (Giai đoạn 1)	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Long Bàn Bắc - Xã Phước Giang	1378/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6.000,0	6.000,0	6.000,0	6.000,0	1.920,0	520,0	1.400,0	1.824,0	494,0	1330,0
4	Đường DH51 đoạn Suối Hủ - Đồng Vinh	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	Thôn Đồng Vinh - xã Phước Giang	1379/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0	960,0	460,0	500,0	912,0	437,0	475,0
5	Nâng cấp mở rộng tuyến ngõ Tiêu Nhi - Gò Vôi	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Long Bàn Bắc - Xã Phước Giang	1380/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	1.900,0	1.900,0	1.900,0	1.900,0	1.100,0	500,0	600,0	1.045,0	475,0	570,0
6	Nâng cấp Hội trường UBND xã Phước Giang (Xây mới phòng làm việc UBND xã)	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn An Hoà - Xã Phước Giang	1381/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	2.500,0	2.500,0	2.500,0	2.500,0	1.308,0	450,0	858,0	1.242,6	427,5	815,1
7	Nâng cấp tuyến đường từ Thị trấn Chợ Chùa - Cầu Mương Máng - Hành Nhân	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Đồng Trúc Lâm - Xã Phước Giang	1382/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	8.000,0	8.000,0	8.000,0	8.000,0	1.270,0	420,0	850,0	1.206,5	399,0	807,5

PHỤ LỤC 03
Kế hoạch vốn bố trí trả nợ công trình năm 2026
xã Phước Giang

(Kèm theo Nghị Quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Phước Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Giai đoạn đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030						Kế hoạch vốn trả nợ các công trình đã quyết toán chuyển tiếp sang năm 2026				Ghi chú
		Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Địa điểm xây dựng sau điều chỉnh	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó			NSTW	NS tỉnh	NS xã và nguồn thu hợp pháp khác		
							NSTW	NS tỉnh						
	Tổng số					1.378,70	-	-	1.366,32	2.489,66	-	-	2.489,66	
A	Công trình theo Kết luận thanh tra số 10					1.378,70	-	-	1.366,32	1.366,32	-	-	1.366,32	
I	xã Hành Nhân (Cũ)					986,40	-	-	986,40	986,40	-	-	986,40	
1	Tường rào cổng ngõ sân bê tông nhà văn hoá thôn Phước Lâm	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	53,00			53,00	53,00			53,00	NSX
2	Đường từ ngõ ông Nguyễn Còn - Hồ Khoai	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	310,00			310,00	310,00			310,00	NSX
3	KCH Kênh Trương Quảng - Ông Hoà	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	42,40			42,40	42,40			42,40	NSX
4	Sửa chữa tường rào, sân bê tông nhà văn hóa, cải tạo sân vườn UBND xã Hành Nhân	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	581,00			581,00	581,00			581,00	NSX
II	Hành Dũng (cũ)					392,30	-	-	379,92	379,92	-	-	379,92	
5	Tuyến Võ Văn Thân - Vườn Trần Đức Ân	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	43,90			43,90	43,90			43,90	NSX
6	Tuyến Nguyễn Tiền - Trạm biến áp HD8	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	8,10			8,10	8,10			8,10	NSX
7	Tuyến Bùi Tấn Chất - Gò Cây kén An Phước	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	142,50			142,50	142,50			142,50	NSX
8	Tuyến Võ Ngọc Vũ - Bàu Tau thôn An Hòa	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	36,90			36,90	36,90			36,90	NSX
9	Nhà Văn hoá, sân thể thao thôn Trung Mỹ	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	19,70			19,70	19,70			19,70	NSX
10	Tuyến Nguyễn Thanh Hương đường liên xã thôn An Sơn	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	19,20			19,20	19,20			19,20	NSX
11	KCN Kênh Kim Thành	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	5,70			5,70	5,70			5,70	NSX
12	KCH Kênh BM5 (Giai đoạn II)	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	33,50		-	21,12	21,12		-	21,12	Giám Chi phí thẩm tra quyết toán của PTCKH huyện sau sát nhập (12,383trđ)
13	Nhà làm việc xã Đội Hành Dũng	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HĐND&UBND	Xã Phước Giang	82,80			82,80	82,80			82,80	NSX
B	Công trình đã quyết toán					6.339,10	2.638,80	0,00	3.700,40	1.123,34	-	-	1.123,34	
I	Hành Nhân cũ					1.742,9	1.295,4	-	447,5	54,2	-	-	54,2	

14	KCH nương Tề Diên 2	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	600,00	480,00		120,00	30,90			30,90	NSX
15	Nhà văn hóa thôn Đồng Vinh	UBND xã Hành Nhân	xã Hành Nhân	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	1142,90	815,40		327,50	23,30			23,30	NSX
II	Hành Dũng cũ					4.596,20	1.343,40	-	3.252,90	1.069,14	-	-	1.069,14	
16	Tuyến Đường Võ Văn Thân - Trần Đức Ân (Nối dài)	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	839,13	671,40		167,80	62,30			62,30	NSX
17	Nâng cấp tuyến đường Cống Ô Ô - Đập Tài	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	839,97	672,00		168,00	67,17			67,17	NSX
18	Nhà văn hóa Thôn Kim Thành	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	1.167,10			1.167,10	67,10			67,10	NSX
19	Đường bê tông Võ Hữu Thời - Nguyễn Nhạn	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	750			750	504,28			504,28	NSX
20	Ngõ Ông Phú - Ngõ Ông Hanh - Nguyễn Thị Ké	UBND xã Hành Dũng	xã Hành Dũng	Văn phòng HDND&UBND	Xã Phước Giang	1.000			1.000	368,30			368,30	NSX